TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đức Giang và bà Tạ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Q, sinh năm 1995

Địa chỉ: xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn*: Anh Trần C, sinh năm 1995

Địa chỉ: xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

(Chị Trần Thị Q có mặt, anh Trần C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Trần C kết hôn với nhau vào ngày 19/10/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có tìm hiểu, không ai bị ép buộc hay lừa dối. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vạ, không tôn trọng nhau. Đến tháng 6 năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Nay chị Q thấy không thể tiếp tục sống chung với anh C nên chị Q làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hào N, sinh ngày 17/11/2016. Hiện cháu N đang sống với chị Q nên ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Trần C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C để anh C đến Toà án nhân dân huyện Diễn Châu giải quyết việc chị Trần Thị Q xin ly hôn nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Q. Về con chung: Giao cháu Trần Hào N, sinh ngày 17/11/2016 cho chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần C. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết. Án phí: chị Trần Thị Q chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Q yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Trần C, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Như vậy, tranh chấp giữa chị Trần Thị Q và anh Trần C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần C có địa chỉ thường trú tại xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trần C vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần C.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Trần C kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2016 tại UBND xã D hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Như vậy căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Trần Thị Q, sau khi kết hôn chị Q và anh C sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vạ, không tôn trọng nhau. Từ tháng 6 năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Anh Trần C không có bản trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như nguyện vọng của anh C. Tuy nhiên qua tài liệu trong hồ sơ vụ án thì thấy, anh Trần C có cư trú tại địa phương, anh C đã nhận được đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuy nhiên anh C không đến Toà án làm việc, cũng như không gửi ý kiến cho Toà án; điều này chứng tỏ anh Trần C không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ với chị Trần Thị Q. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Q.

[2.2] Về con chung: Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện giữa chị Trần Thị Q và anh Trần C có 01 con chung Trần Hào N, sinh ngày 17/11/2016. Khi ly hôn, chị Trần Thị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Hiện con chung của chị Q, anh C đều đang còn nhỏ, và đang sinh sống với chị Q từ năm 2016 nên căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao con chung cho chị Q trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Trần C có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Q không yêu cầu anh Trần C cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.4] Về án phí: chị Trần Thị Q phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q được ly hôn anh Trần C.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hào N, sinh ngày 17/11/2016 cho chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần C. Anh Trần C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Trần Thị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số 0001967 ngày 11/10/2022. Chị Q đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc bản án niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- UBND xã Diễn Hùng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đức Thuý